

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 06 – 5 – 2020  
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Ngân

*- Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Út

Bà Hồ Thị Út

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Lưu Văn Đ, sinh năm 1956.

ĐKKH: Ấp 1, xã P, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã P, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Nguyễn Thị U, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã P, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lưu Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị U tự nguyện sống chung như vợ chồng vào tháng 5

năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông Đ và bà U đã ly thân từ năm 1994 đến nay. Nay ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà U.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Hoàng N (nam), sinh ngày 14/10/1988 và Lưu Văn Hải E (nam), sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Đ về thời gian kết hôn, việc không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Bà và ông Đ đã ly thân từ năm 1994 đến nay, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông Đ yêu cầu được ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lưu Hoàng N (nam), sinh ngày 14/10/1988 và Lưu Văn Hải E (nam), sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Văn Đ và bà Nguyễn Thị U chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/1987, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Ông Đ và bà U có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chung sống kéo dài cho đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Nay ông Lưu Văn Đ yêu cầu xin ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này”*. Do vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lưu Văn Đ và bà Nguyễn Thị U.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà U có 02 con chung tên Lưu Hoàng N (nam), sinh ngày 14/10/1988 và Lưu Văn Hải E (Nam), sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Văn Đ phải chịu 300.000 đồng.

[7] *Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Và khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53;

Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không công nhận ông Lưu Văn Đ và bà Nguyễn Thị U là vợ chồng.

Về con chung: Lưu Hoàng N (nam), sinh ngày 14/10/1988 và Lưu Văn Hải E (Nam), sinh năm 1992, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không phát sinh.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo lai thu số 0000262 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí sơ thẩm, ông Đ đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/5/2020.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Trần Thanh Ngân**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thủy**



